

chống lãng phí; thực hiện theo mô hình mẫu, quy chế, quy ước về tổ chức lễ hội, đám cưới, đám tang và các hoạt động văn hóa khác; nêu gương người tốt, việc tốt trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và đấu tranh, phê phán những hành vi gây lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng.

Điều 36. Tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng những quy định của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; nếu gây lãng phí thì phải bồi thường.

Tổ chức có cá nhân vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì thủ trưởng của tổ chức đó phải liên đới chịu trách nhiệm.

Điều 37. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 39. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và Thủ trưởng các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 39/1998/ NĐ-CP ngày 10-6-1998 về xử lý tài sản chìm đắm ở biển.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1990;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 28 tháng 10 năm 1995;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Nghị định này quy định cụ thể việc xử lý tài sản chìm đắm ở biển.

2. Việc xử lý tài sản chìm đắm ở biển được thực hiện theo quy định của Nghị định này, các quy định khác của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Tài sản chìm đắm ở biển nói tại Nghị định này bao gồm các loại tàu biển, hàng hóa

hoặc các vật thể khác, không phân biệt nguồn gốc, giá trị, đặc tính, hình thức sở hữu và thời gian bị chìm đắm ở nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, trôi nổi trên biển hoặc dạt vào bờ biển Việt Nam.

Điều 3.

1. Chủ sở hữu tài sản chìm đắm có nghĩa vụ trục vớt tài sản chìm đắm. Trong trường hợp chủ sở hữu tài sản chìm đắm không thực hiện việc trục vớt hoặc trục vớt không đúng thời hạn yêu cầu thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 4 của Nghị định này quyết định việc trục vớt tài sản đó.

2. Chủ sở hữu tài sản chìm đắm chịu mọi chi phí liên quan đến việc trục vớt tài sản. Trong trường hợp tài sản chìm đắm là tàu biển thuộc sở hữu của chủ tàu Việt Nam nói tại Khoản 1, Điều 177 Bộ Luật Hàng hải Việt Nam, thì chủ sở hữu tài sản chỉ chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc trục vớt tài sản trong giới hạn giá trị thực tế của tài sản đã được trục vớt. Phần còn lại được thanh toán từ phí bảo đảm hàng hải.

3. Người quản lý, khai thác tài sản chìm đắm phải chịu trách nhiệm liên đới trước các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc trục vớt tài sản chìm đắm và phải thanh toán các chi phí có liên quan đến việc trục vớt tài sản.

4. Trường hợp tài sản chìm đắm gây ô nhiễm môi trường thì chủ sở hữu tài sản phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 4.

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và các Bộ, ngành có liên quan để tổ chức xử lý tài sản

là tàu biển chìm đắm và các tài sản chìm đắm khác gây nguy hiểm hoặc cản trở hoạt động hàng hải, khai thác cảng và tài nguyên biển, đe dọa tính mạng và sức khỏe con người, gây ô nhiễm môi trường.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các Bộ, ngành và địa phương liên quan để tổ chức xử lý các loại tài sản chìm đắm khác, không quy định tại Khoản 1 của Điều này.

3. Những tài sản trục vớt được có liên quan đến an ninh quốc gia hoặc có giá trị đối với việc bảo tồn nền văn hóa dân tộc, lịch sử quốc gia phải thông báo các Bộ liên quan biết trước khi xử lý.

Điều 5. Mọi tổ chức, cá nhân có tài sản bị chìm đắm hoặc có liên quan đến việc phát hiện, trục vớt, bảo quản, giải quyết tài sản chìm đắm ở biển phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam. Nếu có thành tích sẽ được khen thưởng, nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương II

XÁC ĐỊNH CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN CHÌM ĐÁM Ở BIỂN

Điều 6.

1. Tùy theo loại tài sản chìm đắm quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 4 Nghị định này, chủ sở hữu hoặc người quản lý, khai thác tài sản, người phát hiện hoặc người ngẫu nhiên trục vớt được tài sản chìm đắm phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải gần nhất hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi gần nhất biết.

Giám đốc Cảng vụ hàng hải hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi nhận được thông

báo phải tiến hành các biện pháp cần thiết để bảo vệ, quản lý tài sản chìm đắm đó và báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) để báo cáo Bộ Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Trong trường hợp tài sản bị chìm đắm ở khu vực quân sự, chủ sở hữu hoặc người quản lý, khai thác tài sản hoặc người phát hiện hoặc người ngẫu nhiên trực vớt được tài sản chìm đắm ở khu vực quân sự cũng thông báo theo quy định tại Khoản 1 của Điều này. Cơ quan nhận được thông báo đó ngoài việc thực hiện nhiệm vụ của mình còn phải thông báo cho cơ quan quân sự đóng quân gần nhất.

Điều 7.

1. Trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xác định chủ sở hữu tài sản chìm đắm được phát hiện.

a) Trường hợp có giấy tờ (tài liệu) ghi tên và địa chỉ của chủ sở hữu tài sản chìm đắm, thì Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thông báo cho chủ sở hữu tài sản theo địa chỉ đó.

b) Trường hợp tài sản chìm đắm ở biển mà chưa xác định chủ sở hữu tài sản, Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo ba lần liên tiếp trên báo trung ương hoặc trên báo địa phương.

2. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày thông báo lần cuối cùng, chủ sở hữu tài sản chìm đắm hoặc người đại diện hợp pháp của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật Việt Nam phải liên lạc với cơ quan thông báo để làm thủ tục nhận lại tài sản.

Quá thời hạn nêu trên, tài sản sẽ bị giải quyết

theo quy định tại Điều 17, Điều 18 và Điều 19 của Nghị định này.

Điều 8. Thông báo tìm chủ sở hữu tài sản chìm đắm phải có các nội dung chủ yếu sau:

1. Mô tả đặc điểm, tính năng của tài sản chìm đắm;
2. Thời gian, địa điểm và hoàn cảnh phát hiện hoặc trực vớt được tài sản chìm đắm;
3. Thời hạn và địa chỉ mà chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu ủy quyền phải đến làm thủ tục nhận lại tài sản;
4. Địa chỉ của cơ quan thông báo để chủ sở hữu tài sản liên hệ giải quyết kịp thời.

Điều 9. Chi phí cho việc tìm chủ sở hữu tài sản chìm đắm được tính vào chi phí liên quan đến việc trực vớt tài sản chìm đắm.

Chương III

TRỰC VỚT TÀI SẢN CHÌM ĐẮM Ở BIỂN

Điều 10. Trách nhiệm của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam liên quan đến việc trực vớt tài sản chìm đắm ở biển:

1. Trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định chấp nhận thời hạn dự kiến kết thúc hoạt động trực vớt tài sản chìm đắm ở biển quy định tại Khoản 2, Điều 175 của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam.

2. Lập phương án trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc tổ chức trực vớt các tài sản chìm đắm ở biển quy định tại Khoản 3, Điều 175 và Khoản 1, Khoản 2, Điều 177 của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam.

3. Tổ chức trực vớt tài sản chìm đắm ở biển quy định tại Khoản 1, Điều 4 của Nghị định này theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 11. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ quyết định thời hạn và tổ chức trực vớt tài sản chìm đắm không thuộc các loại tài sản chìm đắm quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Nghị định này.

Điều 12.

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Thủ trưởng cơ quan quân sự được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ủy quyền cấp giấy phép trực vớt tài sản chìm đắm trong khu vực quân sự và trực vớt trang thiết bị quân sự.

2. Trong trường hợp trang thiết bị quân sự bị chìm đắm ngoài khu vực quân sự nhưng gây nguy hiểm hoặc cản trở hoạt động hàng hải, khai thác cảng và tài nguyên biển, đe dọa tính mạng và sức khỏe con người, gây ô nhiễm môi trường biển thì việc cấp giấy phép trực vớt và tổ chức trực vớt tài sản chìm đắm quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.

Điều 13. Trong trường hợp các tổ chức và cá nhân Việt Nam không thể thực hiện việc trực vớt tài sản chìm đắm ở biển thì Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc cho phép tổ chức, cá nhân hợp tác với nước ngoài thực hiện theo pháp luật hiện hành.

Chương IV

**BẢO QUẢN VÀ GIẢI QUYẾT TÀI SẢN
CHÌM ĐẮM Ở BIỂN**

Điều 14. Tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên trực vớt được tài sản chìm đắm có trách nhiệm bảo quản các tài sản đó cho đến khi giao lại cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 6 Nghị định này. Việc giao nhận tài sản phải được ghi nhận bằng văn bản theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

Cảng vụ hàng hải hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ định người, cơ quan có thẩm quyền để tiếp nhận, bảo quản tài sản đó.

Điều 15.

1. Văn bản giao nhận tài sản chìm đắm ở biển phải có những nội dung chính sau đây:

a) Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân giao tài sản chìm đắm;

b) Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân nhận tài sản chìm đắm;

c) Thời gian, địa điểm và hoàn cảnh liên quan đến việc phát hiện hoặc trực vớt tài sản chìm đắm;

d) Mô tả đặc điểm, tính năng và các thông tin cần thiết về tài sản chìm đắm.

2. Văn bản giao nhận tài sản chìm đắm phải được đại diện có thẩm quyền của bên giao và bên nhận ký xác nhận. Cảng vụ hàng hải hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi văn bản giao nhận tài sản chìm đắm cho Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan.

3. Văn bản giao nhận tài sản chìm đắm phải được lập thành 3 bản: mỗi bên giữ 1 bản và gửi Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện 1 bản.

Điều 16. Trong trường hợp tài sản chìm đắm là các trang thiết bị quân sự thì ngay sau khi hoàn tất thủ tục tiếp nhận, Cảng vụ hàng hải hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã phải chuyển giao tài sản đó cho cơ quan quân sự tại địa phương bảo quản và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 17.

1. Tài sản là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị trôi nổi trên biển hoặc trôi dạt vào bờ biển, thì Cảng vụ hàng hải hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã

sau khi nhận tài sản phải báo cho cơ quan hải quan nơi gần nhất để phối hợp giải quyết theo quy định của pháp luật về hải quan.

2. Tài sản chìm đắm được phát hiện hoặc trực vớt là cổ vật, di vật lịch sử - văn hóa thì Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện phải báo cáo Bộ Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Văn hóa - Thông tin để phối hợp giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản chìm đắm là tàu biển hoặc tài sản không phải là cổ vật, di vật lịch sử - văn hóa nhưng có giá trị lớn, thì Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết tài sản đó theo pháp luật hiện hành và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả.

Điều 18.

1. Khi chủ sở hữu tài sản không thanh toán các chi phí liên quan theo thời hạn quy định đã được thông báo, thì Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền quyết định bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật. Sau khi thanh toán các chi phí trực vớt, bảo quản tài sản, tổ chức bán đấu giá và các chi phí hợp lý khác có liên quan, số tiền còn lại (nếu còn) được chuyển vào tài khoản tạm gửi tại Ngân hàng Việt Nam và thông báo cho chủ sở hữu tài sản được biết. Sau 180 (một trăm tám mươi) ngày, kể từ ngày thông báo, nếu chủ sở hữu tài sản không nhận số tiền còn lại, thì số tiền này cùng tiền lãi phát sinh sẽ được nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Nếu số tiền bán đấu giá thu được không đủ trang trải các khoản chi phí nói tại Khoản 1 của Điều này thì chủ sở hữu tài sản có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu. Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho chủ sở hữu tài sản biết và tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật nếu chủ tài sản không thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình.

3. Trường hợp không xác định được chủ sở hữu tài sản chìm đắm quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định này, số tiền bán đấu giá tài sản trực vớt được không đủ bù đắp các khoản chi phí quy định tại Khoản 1 Điều này, thì được phép dùng nguồn thu từ phí bảo đảm hàng hải để bù đắp chi phí thiếu hụt đó.

Điều 19. Trong trường hợp chủ sở hữu tài sản chìm đắm không yêu cầu nhận lại tài sản hoặc không xác định được chủ sở hữu theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định này, tài sản đó thuộc sở hữu của Nhà nước Việt Nam.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ban hành. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 21. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục trưởng Cục Hàng hải chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 40/1998/
ND-CP ngày 10-6-1998 về kinh
doanh vận tải biển của công ty,
doanh nghiệp tư nhân.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;